TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/HS-ST
Ngày 21-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị An;

- Bà Đặng Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2026/TLST- HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Kha Văn P, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1979 tại Nghệ An; nơi thường trú: Bản L, xã T, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường A, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 040079017184; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kha Văn P1, đã chết và bà Quang Thị L, sinh năm 1948; có vợ là Lương Thị X và hai con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 126/2009/HS-ST ngày 28/10/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử phạt 32 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; thi hành xong án phí ngày 15/3/2010, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2012 nên đã được xóa án tích.

Bị tạm giữ từ ngày 12/9/2025 đến ngày 19/9/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H; có mặt.

2. Lương Văn T, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1986 tại Nghệ An; nơi thường trú: Bản X, xã T, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 040086002728; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T1, sinh năm 1963 và bà Lương Thị P2, sinh năm 1965; có vợ là Lương Thị N và hai con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 19/9/2025 đến ngày 24/9/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H; có mặt.

3. Kha Văn D, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1986 tại Nghệ An; nơi thường trú: Bản L, xã T, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường A, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 040086019067; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kha Văn P1, đã chết và bà Quang Thị L, sinh năm 1948; có vợ là Vi Thị H (đã ly hôn) và một con sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 12/9/2025 đến ngày 19/9/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H; có mặt.

4. Kha Văn D1, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2000 tại Nghệ An; nơi thường trú: Bản L, xã T, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường A, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 040200024122; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kha Văn P, sinh năm 1979 và bà Lương Thị X, sinh năm 1976; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 02/4/2026 đến ngày 03/4/2026 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo P, D:* Bà Nguyễn Thị Hồng T2 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo T, D1:* Bà Đoàn Thị H1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 12/9/2025, Công an phường A kết hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H kiểm tra hành chính nhà trọ của ông Trần Văn T3 ở tổ dân phố Đ, phường A. Khi kiểm tra phòng trọ do Kha Văn D thuê phát hiện D và Kha Văn P có biểu hiệu sử dụng chất ma túy. Kết quả xét nghiệm nước tiểu của D, P dương tính với test thử chất ma túy. Vật chứng thu giữ tại thùng rác ngoài cửa sổ phòng trọ 01 mảnh giấy bạc kích thước (6x5)cm có bám dính chất màu nâu đen; 01 điện thoại di động Sam sung màu xanh của D; 01 điện thoại di động OPPO màu đen của P. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của D nhưng không phát hiện thu giữ đồ vật liên quan đến ma túy.

Tại Kết luận giám định số 933/KL-KTHS ngày 19/9/2025 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận: "Chất màu đen bám dính trên mảnh giấy gửi giám định là ma túy, loại Heroine, không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy; mẫu nước tiểu ghi tên Kha Văn D, Kha Văn P gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy, loại Morphine. Morphine là sản phẩm chuyển hóa được tìm thấy khi con người sử dụng chất ma túy loại Heroine, thuốc phiện và các chế phẩm từ thuốc phiện hoặc trực tiếp M".

Ngày 19/9/2025, Lương Văn T đến Cơ quan điều tra đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động OPPO màu tím. Ngày 02/4/2026, Kha Văn D1 bị bắt theo quyết định truy nã. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T, D1 nhưng không phát hiện thu giữ vật chứng liên quan đến ma túy. Xét nghiệm nước tiểu của Lương Văn T, Kha Văn D1 âm tính với chất ma túy.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSKV2 ngày 22/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố các bị cáo: Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, cụ thể như sau: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/9/2025, T đến phòng trọ của D ăn cơm cùng D và P. Trong lúc ăn, P bàn với T góp tiền mua ma túy về sử dụng, P góp 300.000 đồng, T góp 200.000 đồng. Do không biết chỗ mua ma túy nên P bảo T liên lạc với D1 (con trai P) đang thuê trọ ở tổ dân phố Đ, phường A nhờ mua hộ. T nhắn tin qua Zalo thì D1 bảo cứ chuyển tiền là mua được và gửi mã QR tài khoản của D1. T chuyển 500.000 đồng từ tài khoản của mình đến tài khoản của D1 và P chuyển khoản cho T 300.000 đồng như đã thống nhất. Sau khi nhận được tiền, D1 nhờ bạn quê Sơn La ở cùng phòng trọ (D1 không biết chỗ ở hiện nay của người này) đi mua hộ 500.000 đồng Heroine. Người này đi ra ngoài một lúc về đưa cho D1 một đoạn ống nhựa (dạng ống ty ô) được hàn kín hai đầu bên trong chứa Heroine. Khoảng 22 giờ cùng ngày D1 đem ma túy đến phòng trọ của D, dùng bật lửa hơ nóng đoạn ống nhựa rồi đổ ma túy ra mảnh giấy bạc lấy từ bao thuốc lá T. D1 cầm mảnh giấy bạc bật lửa hơ nóng phía dưới để ma túy bốc thành khói rồi P, D, T, D1 sử dụng bằng cách hút khói vào miệng. Sử dụng hết ma túy, D1 bỏ mảnh giấy bạc vào thùng rác trước cửa phòng trọ rồi D1, T ra về.

Các bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo D đề nghị được nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đã bị thu giữ vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Bị cáo P đồng ý sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen và bị cáo T đồng ý sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím vì những chiếc điện thoại này P và T dùng vào việc chuyển tiền mua ma túy về sử dụng.

Bị cáo P đề nghị được nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã bị thu giữ vì không liên quan đến hành vi phạm tội; bị cáo D đồng ý sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh và bị cáo T đồng ý sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím vì là phương tiện được các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, khẳng định: Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1 đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, xử phạt:

Bị cáo Kha Văn P mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/9/2025.

Các bị cáo Lương Văn T, Kha Văn D và Kha Văn D1 mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù của các bị cáo: Thịnh tính từ ngày tạm giữ 19/9/2025, Danh tính từ ngày tạm giữ 12/9/2025, D1 tính từ ngày tạm giữ 02/4/2026.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng cho bị cáo Kha Văn D. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Kha Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lương Văn T. Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy niêm phong số 933MT/PC09 chứa một mảnh giấy bạc hoàn lại sau giám định có chữ ký của cán bộ giám định.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng cho bị cáo Kha Văn P. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Kha Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lương Văn T. Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy niêm phong số 933MT/PC09 chứa một mảnh giấy bạc hoàn lại sau giám định có chữ ký của cán bộ giám định.

- Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo: Nhất trí với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên khả năng nhận thức cũng như

hiểu biết pháp luật còn hạn chế để cho các bị cáo được hưởng mức án khoan hồng, để các bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và hình phạt:

[3] Lời khai của các bị cáo Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1 tại phiên toà phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; đồng thời phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 12/9/2025 tại phòng trọ do D thuê ở tổ dân phố Đ, phường A, thành phố Hải Phòng; P và T thống nhất góp 500.000 đồng mua ma túy Heroine về sử dụng và nhờ D1 mua hộ. D1 đem ma túy đến phòng trọ của D, dùng bật lửa hơ nóng đoạn ống nhựa rồi đổ ma túy ra mảnh giấy bạc lấy từ bao thuốc lá T6; D cầm mảnh giấy bạc bật lửa hơ nóng phía dưới để ma túy bốc thành khói rồi P, D, T và D1 cùng nhau sử dụng bằng cách hút khói vào miệng.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma tuý, xâm phạm trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1 đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

vào tối ngày 12/9/2025 là tình tiết định khung hình phạt "Đối với hai người trở lên" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn vì không có sự câu kết chặt chẽ (như chỉ huy, phân công, chỉ đạo, điều hành) giữa những người cùng thực hiện tội phạm. P là người khởi sướng, bàn với T về việc mua ma tuý về phòng trọ của D để cùng nhau sử dụng; P góp 300.000 đồng, T góp 200.000 đồng và T chuyển tiền vào tài khoản của D1 để nhờ D1 mua ma tuý; D1 đi mua ma tuý mang về phòng trọ của D, đổ ma tuý ra giấy bạc và dùng bật lửa hơ nóng phía dưới để các bị cáo cùng nhau sử dụng; D chuẩn bị địa điểm là phòng trọ của mình để cùng với P, T và D1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên vai trò của 4 bị cáo là ngang nhau.

[7] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo P có một tiền án đã được xoá án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, không có ý thức sửa chữa sai lầm, coi thường pháp luật. Các bị cáo T, D và D1 không có tiền án, tiền sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đầu thú và có ông nội là người có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến; bị cáo P có bố vợ và bố đẻ, bị cáo D có bố đẻ và bị cáo D1 có ông nội, ông ngoại là người có công với cách mạng được tặng huân, huy chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử cho rằng cần áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đảm bảo giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung; đồng thời xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất theo mức án mà Kiểm sát viên tại phiên toà đã đề nghị đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[9] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, tài liệu xác minh thể hiện các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Kha Văn D: Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Kha Văn P và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu

tím đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lương Văn T: Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc giao dịch mua ma tuý về sử dụng nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 bì giấy niêm phong số 933MT/PC09 chứa một mảnh giấy bạc hoàn lại sau giám định có chữ ký của cán bộ giám định: Đây là công cụ phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về vấn đề khác: Đối với người bán ma túy cho bị cáo Kha Văn D1, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1 là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1 đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt:

Bị cáo Kha Văn P 08 (T4) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/9/2025.

Bị cáo Lương Văn T 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/9/2025.

Bị cáo Kha Văn D 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/9/2025.

Bị cáo Kha Văn D1 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/4/2026.

Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

T5 lại: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng cho bị cáo Kha Văn D.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Kha Văn P; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lương Văn T.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bì giấy dấu niêm phong số 933MT/PC09 bên trong chứa một mảnh giấy bạc hoàn lại sau giám định có chữ ký của cán bộ giám định.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các các bị cáo Kha Văn P, Kha Văn D, Lương Văn T và Kha Văn D1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2-Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1-CATP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06);
- Cơ quan THAHS-CATP Hải Phòng (PC10);
- UBND (xã, phường, đặc khu) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng